

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm tiếp tục lên trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống theo triều; mực nước thấp nhất tiếp tục xuống trong những ngày tới.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong khu vực lên trở lại trong 3-4 ngày tới, sau đó xuống chậm.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 14/6 đến 18/6/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng  | Mực nước thực đo (m) |                     |                | Mực nước dự báo (m) |               |               |               |               |
|-----|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|----------------|---------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|     |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |            | 13/6                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN    | 14/6                | 15/6          | 16/6          | 17/6          | 18/6          |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 1.59<br>0.40         | 0.58<br>0.88        | 0.43<br>0.09   | 1.66<br>0.36        | 1.74<br>0.33  | 1.78<br>0.31  | 1.76<br>0.30  | 1.72<br>0.30  |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.53<br>0.11         | 0.48<br>0.75        | 0.50<br>0.31   | 1.59<br>0.06        | 1.68<br>0.03  | 1.72<br>0.01  | 1.69<br>0.00  | 1.64<br>0.00  |
| 3   | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 1.74<br>1.12         | 0.72<br>1.13        | 0.52<br>0.53   | 1.81<br>1.11        | 1.88<br>1.08  | 1.91<br>1.06  | 1.89<br>1.05  | 1.85<br>1.05  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.71<br>0.29         | 0.56<br>0.75        | 0.58<br>0.17   | 1.77<br>0.26        | 1.85<br>0.23  | 1.89<br>0.21  | 1.87<br>0.20  | 1.83<br>0.20  |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.66<br>-0.03        | 0.44<br>0.63        | 0.55<br>0.33   | 1.68<br>-0.08       | 1.77<br>-0.11 | 1.81<br>-0.13 | 1.78<br>-0.14 | 1.73<br>-0.14 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.57<br>0.14         | 0.46<br>0.69        | 0.49<br>0.22   | 1.63<br>0.09        | 1.72<br>0.06  | 1.76<br>0.04  | 1.73<br>0.03  | 1.68<br>0.03  |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 0.38<br>0.14         | -0.01<br>-0.12      | -0.01<br>-0.03 | 0.40<br>0.14        | 0.45<br>0.18  | 0.52<br>0.24  | 0.55<br>0.26  | 0.50<br>0.20  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.14<br>0.09         | -0.19<br>-0.20      | -0.09<br>-0.10 | 0.15<br>0.08        | 0.20<br>0.12  | 0.27<br>0.18  | 0.30<br>0.20  | 0.25<br>0.15  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.46<br>0.19         | 0.03<br>0.04        | 0.07<br>0.02   | 0.47<br>0.21        | 0.52<br>0.25  | 0.59<br>0.31  | 0.62<br>0.33  | 0.57<br>0.27  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.52<br>0.35         | -0.06<br>-0.02      | 0.25<br>0.17   | 0.53<br>0.35        | 0.58<br>0.39  | 0.65<br>0.45  | 0.68<br>0.47  | 0.63<br>0.41  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.17<br>0.10         | -0.14<br>-0.11      | -0.02<br>-0.02 | 0.17<br>0.09        | 0.22<br>0.13  | 0.29<br>0.19  | 0.32<br>0.21  | 0.27<br>0.15  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.65<br>0.48         | -0.03<br>-0.01      | 0.18<br>0.19   | 0.66<br>0.48        | 0.71<br>0.52  | 0.78<br>0.58  | 0.81<br>0.60  | 0.76<br>0.54  |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 1.04<br>0.51         | 0.17<br>0.15        | 0.35<br>0.11   | 1.05<br>0.56        | 1.10<br>0.56  | 1.17<br>0.62  | 1.20<br>0.64  | 1.15<br>0.58  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.70<br>0.41         | 0.02<br>0.00        | 0.14<br>0.04   | 0.71<br>0.47        | 0.76<br>0.46  | 0.83<br>0.52  | 0.86<br>0.54  | 0.81<br>0.48  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 14/6/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan